

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ AN KHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 948/QĐ-UBND

An Khánh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách xã An Khánh năm 2026
Dự toán đã được HĐND xã phê duyệt**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN KHÁNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 20/12/2025 của HĐND xã An Khánh về việc phân bổ dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2026 xã An Khánh;

Căn cứ Quyết định 886/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND xã An Khánh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước xã An Khánh năm 2026;

Xét đề nghị của Trưởng phòng kinh tế xã An Khánh;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách xã An Khánh năm 2026 (Dự toán đã được HĐND xã phê duyệt).

(Theo các biểu chi tiết từ mẫu biểu 01 đến mẫu biểu số 04)

Điều 2. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Thủ trưởng các phòng chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND xã và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính
- TT Đảng ủy;
- TT HĐND xã;
- UBMTTQ và các đoàn thể;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- Lưu VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đương Văn Toàn

PHỤ LỤC
THUYẾT MINH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2026 XÃ AN KHÁNH

Dự toán đã được HĐND xã phê duyệt

(Kèm theo Quyết định số 948/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã An Khánh)

1. Căn cứ xây dựng dự toán

- Nghị quyết số 203/2025/QH15 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16/6/2025.
- Nghị quyết số 1683/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên năm 2025, theo đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định sắp xếp để thành lập 92 đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên.
- Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 20/12/2025 của HĐND xã An Khánh về việc phân bổ dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2026 xã An Khánh;
- Quyết định 2255/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc giao dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên năm 2026;

2. Nguyên tắc xây dựng dự toán

- Dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2026 xã An Khánh dựa trên dự toán thu, chi tỉnh giao.
- Các chế độ, chính sách của địa phương ban hành theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật liên quan tiếp tục ổn định về đối tượng, mức chi.

3. Dự toán thu chi ngân sách địa phương sau sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025

- 3.1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 47.141.000.000 đồng.
- 3.2. Tổng thu ngân sách địa phương: 133.659.000.000 đồng, trong đó:
 - Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp: 42.092.000.000 đồng.
 - Thu trợ cấp cân đối từ ngân sách cấp trên: 42.899.000.000 đồng.
 - Thu trợ cấp mục tiêu từ ngân sách cấp trên: 48.668.000.000 đồng.
- 3.3. Tổng chi ngân sách địa phương: 133.659.000.000 đồng, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 2.229.000.000 đồng.
- Chi thường xuyên: 129.313.000.000 đồng.
- Dự phòng ngân sách: 2.117.000.000 đồng.

(Có các biểu chi tiết kèm theo)

*** Để thực hiện tốt nhiệm vụ ngân sách năm 2026. UBND xã đưa ra một số giải pháp như sau:**

Về thu ngân sách: Thực hiện thu ngân sách theo chỉ tiêu giao của UBND tỉnh, theo nghị quyết của HĐND xã, tăng cường thu các nguồn thu ngân sách trên địa bàn. Cụ thể:

(1) Các ban ngành đoàn thể phải phối hợp chặt chẽ trong việc đôn đốc, thực hiện kế hoạch thu ngân sách.

(2) Tăng cường việc cải cách hành chính ở tất cả các lĩnh vực nhằm tăng cường thu ngân sách.

(3) Tăng cường kiểm tra, đôn đốc và phối hợp chặt chẽ trong công tác phối hợp thu các khoản thu theo quy định. Tăng cường công tác kiểm tra việc quản lý thu ngân sách, chống thất thu hoặc để tồn đọng ngân sách.

(4) Đôn đốc các hộ có trong kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất làm thủ tục hồ sơ chuyển đổi theo quy định. Rà soát, đánh giá lại các cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ để có thể áp dụng các biện pháp thu phù hợp đảm bảo thu đúng, thu đủ theo quy định.

(5) Tuyên truyền, vận động thu nộp các khoản quỹ nhân dân đóng góp theo kế hoạch đề ra.

Về chi ngân sách

(1) Thực hiện chi đúng, chi đủ và kịp thời đảm bảo mọi hoạt động cho các đơn vị, chi đảm bảo theo nguyên tắc tài chính và đúng luật ngân sách. Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, nhất là các khoản chi tổ chức lễ hội, hội thảo, hội nghị thực hiện các biện pháp phù hợp hiệu quả, tiết kiệm chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm và các chi phí khác.

(2) Điều hành chi ngân sách theo đúng dự toán khi được HĐND xã phê chuẩn, hạn chế các khoản phát sinh ngoài dự toán, trừ các khoản phát sinh bất khả kháng như dịch bệnh, thiên tai, hỏa hoạn... sử dụng nguồn dự phòng ngân sách theo đúng quy định.

(3) Tăng cường các biện pháp thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, mọi khoản chi tiêu của ngân sách như mua sắm thiết bị, tài sản... phải theo đúng chế độ, tiêu chuẩn định mức của Nhà nước quy định. Sử dụng kinh phí Nhà nước được cấp đảm bảo đúng và hiệu quả.

(4) Ưu tiên chi cho đầu tư phát triển, tuyên truyền và phát động phong trào xã hội hóa trong đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đến các thôn xóm trên địa bàn xã. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn, nhất là công tác quản lý vốn và quản lý chất lượng các công trình xây dựng.

(5) Thực hiện chi các quỹ nhân dân đóng góp theo đúng quy chế đã ban hành.



BIỂU CÂN ĐỐI TỔNG HỢP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

Dự toán đã được Hội đồng nhân dân xã phê duyệt

(Kèm theo Quyết định số 948/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã An Khánh)

ĐVT: Đồng

Nội dung thu	Dự toán 2026	Nội dung chi	Dự toán 2026
Tổng số thu	133.659.000.000	Tổng số chi	133.659.000.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%		I. Chi đầu tư phát triển	2.229.000.000
- Thu nội địa		II. Chi thường xuyên	129.313.000.000
II. Thu bổ sung	133.659.000.000	III. Dự phòng	2.117.000.000
- Bổ sung cân đối ngân sách	84.991.000.000		
- Bổ sung có mục tiêu	48.668.000.000		
III. Thu chuyên nguồn			



TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026
Dự toán đã được Hội đồng nhân dân xã phê duyệt
(Kèm theo Quyết định số 948/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã An Khánh)

DVT: Đồng

Nội dung	Dự toán năm 2026		Ghi chú
	Thu NSNN	Thu NSX	
	3	4	
TỔNG THU	138.708.000.000	133.659.000.000	
I. Tổng số thu ngân sách trên địa bàn	47.141.000.000	42.092.000.000	
1. Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý			
2. Thu từ khu vực DNNN địa phương quản lý	65.000.000		
3. Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài			
4. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	7.670.000.000	7.670.000.000	
5. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	150.000.000	150.000.000	
6. Lệ phí trước bạ	5.661.000.000	5.661.000.000	
7. Thuế thu nhập cá nhân	2.185.000.000	2.185.000.000	
8. Thuế bảo vệ môi trường			
9. Phí & lệ phí	600.000.000	287.000.000	
10. Thu khác ngân sách	310.000.000	210.000.000	
11. Thu tiền thuê đất	30.000.000.000	25.500.000.000	
12. Tiền sử dụng đất	300.000.000	229.000.000	
13. Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	200.000.000	200.000.000	
14. Thu cổ tức lợi nhuận sau thuế NSDP hưởng 100%			
15. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			
16. Thu từ xổ số kiến thiết (kể cả HĐXS điện toán)			
II. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)			
III. Thu chuyển nguồn			
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước			
V. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	91.567.000.000	91.567.000.000	
- Bổ sung cân đối ngân sách	42.899.000.000	42.899.000.000	
- Bổ sung có mục tiêu	48.668.000.000	48.668.000.000	



TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

Dự toán đã được Hội đồng nhân dân xã phê duyệt

(Kèm theo Quyết định số 948/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã An Khánh)

Đơn vị: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2026							Ghi chú
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển					Chi thường xuyên	
			Chi đầu tư từ nguồn vốn XDCB tập trung	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Trong đó				
A	B	1=2+3	2		Tiết kiệm 5% chi đầu tư theo Nghị quyết số 245/2025/QH15 của Quốc hội	10% chi cho công tác cấp đổi, cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Chi cho các công trình dự án	3	
	Tổng cộng	133.659.000.000	2.000.000.000	229.000.000	11.000.000	22.000.000	196.000.000	131.430.000.000	
I	Chi đầu tư	2.229.000.000	2.000.000.000	229.000.000	11.000.000	22.000.000	196.000.000		
1	Ngân sách tỉnh (Vốn XDCB tập trung)	2.000.000.000	2.000.000.000						
2	Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất	229.000.000		229.000.000	11.000.000	22.000.000	196.000.000		
II	Chi Thường xuyên	129.313.000.000	-					129.313.000.000	
1	Chi công tác quốc phòng	4.383.000.000						4.383.000.000	
2	Chi công tác an ninh	1.843.200.000						1.843.200.000	
3	Chi giáo dục	60.861.406.702						60.861.406.702	
4	Chi khoa học, công nghệ	184.572.000						184.572.000	
5	Chi y tế	-						-	
6	Chi văn hóa, thông tin	270.000.000						270.000.000	
7	Chi phát thanh, truyền thanh	135.000.000						135.000.000	
8	Chi thể dục, thể thao	180.000.000						180.000.000	
9	Chi bảo vệ môi trường	576.000.000						576.000.000	
10	Chi các hoạt động kinh tế	1.715.581.852						1.715.581.852	
11	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	20.910.057.664						20.910.057.664	
11.1	Quản lý Nhà nước	11.198.900.568						11.198.900.568	
11.2	Đảng Cộng sản Việt Nam	6.092.997.084						6.092.997.084	
11.3	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	3.618.160.012						3.618.160.012	
12	Chi cho công tác đảm bảo xã hội	24.809.000.000						24.809.000.000	
13	Chi khác	1.307.755.200						1.307.755.200	
14	Tiết kiệm 10% chi TX	-						-	
15	Số còn lại chưa phân bổ chi tiết	12.137.426.582						12.137.426.582	
III	Dự phòng	2.117.000.000						2.117.000.000	



PHẦN BỐ CHỈ TIẾT DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ AN KHANG NĂM 2026
 Dự toán đã được Hội đồng nhân dân xã phê duyệt
 (Kèm theo Quyết định số 948/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã An Khang)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Tổng nhu cầu năm 2026	Trợ 10% tiết kiệm chi thường xuyên	Dự toán giao năm 2026	Chi tiết theo nội dung kinh tế													Chi khác	Chi cho công tác đảm bảo xã hội	Dự phòng	Tiết kiệm 5% chi đầu tư theo Nghị quyết số 245/2025/QH15 của Quốc hội	10% chi cho công tác cấp mới cấp đầu tư xây dựng đất	Chi đầu tư xây dựng cơ bản		
					Công tác an ninh	Công tác quốc phòng	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp khoa học và công nghệ	Sự nghiệp Văn	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp Thể dục thể thao	Sự nghiệp Phát thanh truyền hình	Sự nghiệp môi trường	Sự nghiệp kinh tế	Quản lý nhà nước	Trong đó									
																QLNN	Đảng CSVN							MTTQ	
	TỔNG DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN	135.484.000.000	1.825.000.000	133.659.000.000	1.843.200.000	4.383.000.000	62.376.000.000	543.600.000	-	270.000.000	180.000.000	135.000.000	576.000.000	7.188.700.000	24.696.000.000				2.312.500.000	24.809.000.000	2.117.000.000	11.000.000	22.000.000	2.196.000.000	
1	PHẦN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN	118.342.161.729	1.166.588.311	117.175.573.418	1.843.200.000	4.383.000.000	60.861.406.702	184.572.000	-	270.000.000	180.000.000	135.000.000	576.000.000	1.715.581.852	20.910.057.664	11.198.900.568	6.092.997.084	3.618.160.012	1.307.755.200	24.809.000.000	-	-	-	-	
-	Văn phòng Đảng ủy	6.931.628.284	188.447.200	6.743.181.084	-	-	-	20.592.000	-	-	-	-	-	-	6.092.997.084	-	6.092.997.084	-	629.592.000	-	-	-	-	-	-
1.1	Chi quản lý nhà nước VP Đảng ủy	6.211.997.084	119.000.000	6.092.997.084											6.092.997.084		6.092.997.084								
-	Biên chế	3.000.251.124	-	3.000.251.124											3.000.251.124		3.000.251.124								
-	Chi khác biên chế	510.000.000	51.000.000	459.000.000											459.000.000		459.000.000								
-	Kinh phí hoạt động chung của các cơ quan làm việc tại Trụ sở Đảng ủy (Tiền điện, tiền mạng...)	170.000.000	17.000.000	153.000.000											153.000.000		153.000.000								
-	Quỹ thi đua khen thưởng theo Nghị định 73/2024/ND-CP biên chế	190.270.080	-	190.270.080											190.270.080		190.270.080								
-	Hợp đồng theo Nghị định số 111	96.412.680	-	96.412.680											96.412.680		96.412.680								
-	Chi khác hợp đồng theo Nghị định 111	10.000.000	1.000.000	9.000.000											9.000.000		9.000.000								
-	Quỹ thi đua khen thưởng theo Nghị định số 111	6.346.080	-	6.346.080											6.346.080		6.346.080								
-	Phụ cấp Bt thư xóm (Bao gồm bảo hiểm)	1.509.693.120	-	1.509.693.120											1.509.693.120		1.509.693.120								
-	Xóm loại 1 (HS 1.4)	721.768.320	-	721.768.320											721.768.320		721.768.320								
-	Xóm loại 2 (HS 1.2)	759.844.800	-	759.844.800											759.844.800		759.844.800								
-	Xóm loại 3 (HS 1.0)	28.080.000	-	28.080.000											28.080.000		28.080.000								
-	Phụ cấp cấp ủy	219.024.000	-	219.024.000											219.024.000		219.024.000								
-	Kinh phí hỗ trợ công tác Đảng (Bao gồm QĐ số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của BCHTW; QĐ số 72-QĐ/TU ngày 18/7/2025 của TUITN)	500.000.000	50.000.000	450.000.000											450.000.000		450.000.000								
1.2	Chi thường xuyên khác	696.751.200	67.159.200	629.592.000																					
-	Bảo vệ, công vụ	125.400.000	11.400.000	114.000.000																629.592.000					
-	Kinh phí thi đua khen thưởng	220.000.000	22.000.000	198.000.000																114.000.000					
-	Kinh phí chi phụ cấp của Ban công tác 35	151.351.200	13.759.200	137.592.000																198.000.000					
-	Kinh phí hoạt động của Ban công tác 35	20.000.000	2.000.000	18.000.000																137.592.000					
-	Kinh phí chi tổ chức đối thoại người dân cấp ủy và chính quyền nhân dân trên địa bàn xã	30.000.000	3.000.000	27.000.000																18.000.000					
-	Kinh phí vận hành ô tô phục vụ công tác chung (Sửa chữa, bảo dưỡng, xăng xe...)	150.000.000	15.000.000	135.000.000																27.000.000					
1.3	Sự nghiệp khoa học công nghệ	22.880.000	2.288.000	20.592.000				20.592.000																	
-	Kinh phí Dịch vụ kinh truyền số liệu và truyền hình hội nghị trực tuyến	22.880.000	2.288.000	20.592.000				20.592.000																	
2	Ủy ban MTTQ trên địa phương	3.715.060.012	51.900.000	3.663.160.012																					
2.1	Quản lý nhà nước UBMTTQ	3.665.060.012	46.900.000	3.618.160.012											3.618.160.012			3.618.160.012		45.000.000					
-	Biên chế	774.234.396	-	774.234.396											3.618.160.012			3.618.160.012							
-	Chi khác biên chế	180.000.000	18.000.000	162.000.000																					
-	Quỹ thi đua khen thưởng theo Nghị định 73/2024/ND-CP	48.690.720	-	48.690.720											48.690.720		48.690.720								
-	Kinh phí hoạt động chung của các cơ quan làm việc tại Trụ sở MTTQ (Tiền điện, tiền mạng...)	54.000.000	5.400.000	48.600.000											48.600.000		48.600.000								
-	Cán bộ hoạt động không chuyên trách (02 cán bộ KCT)	48.185.280	-	48.185.280											48.185.280		48.185.280								
-	SL Đại học (1.76)	41.184.000	-	41.184.000											41.184.000		41.184.000								
-	17% BHXH	7.001.280	-	7.001.280											7.001.280		7.001.280								
-	Phụ cấp MTTQ xóm (Bao gồm bảo hiểm)	839.592.000	-	839.592.000											839.592.000		839.592.000								
-	Xóm loại 1 (HS 0.9)	429.624.000	-	429.624.000											429.624.000		429.624.000								
-	Xóm loại 2 (HS 0.7)	393.120.000	-	393.120.000											393.120.000		393.120.000								
-	Xóm loại 3 (HS 0.6)	16.848.000	-	16.848.000											16.848.000		16.848.000								
-	Chi bồi dưỡng nguồn trực tiếp tham gia công việc của xóm, tổ dân phố (Chi hỗ trợ lương phụ nữ, Chi hỗ trợ lương nông dân, Chi hỗ trợ lương hội Cựu chiến binh, Hội cựu thanh niên, Chi hỗ trợ lương người cao tuổi)	822.744.000	-	822.744.000											822.744.000		822.744.000								
-	Xóm loại 1 (0.16)	381.888.000	-	381.888.000											381.888.000		381.888.000								
-	Xóm loại 2 (0.15)	421.200.000	-	421.200.000											421.200.000		421.200.000								
-	Xóm loại 3 (0.14)	19.656.000	-	19.656.000											19.656.000		19.656.000								
-	Chi hoạt động của UBMTQ và các tổ chức chính trị - XH (UBMTTQ 55tr, 04 hội x 45tr)	235.000.000	23.500.000	211.500.000											211.500.000		211.500.000								
-	Toán dân đoàn kết xây dựng DSVH (xóm)	304.000.000	-	304.000.000											304.000.000		304.000.000								
-	Ban thanh tra nhân dân cấp xã	15.000.000	-	15.000.000											15.000.000		15.000.000								
-	Hoạt động ban giám sát cộng đồng	30.000.000	-	30.000.000											30.000.000		30.000.000								
-	Phụ cấp hội đặc thù (CB KCT Hội CTĐ, NCT, 04 hội đặc thù)	313.613.616	-	313.613.616											313.613.616		313.613.616								
-	Hội chữ thập đỏ	88.706.480	-	88.706.480											88.706.480		88.706.480								
-	Chi hội Hội chữ thập đỏ	42.709.680	-	42.709.680											42.709.680		42.709.680								
-	Phó chi hội Hội chữ thập đỏ	40.996.800	-	40.996.800											40.996.800		40.996.800								
-	Hội Người cao tuổi	103.819.136	-	103.819.136											103.819.136		103.819.136								
-	Chi trích Hội người cao tuổi	57.822.336	-	57.822.336											57.822.336		57.822.336								
-	Phó chi hội Hội người cao tuổi	40.996.800	-	40.996.800											40.996.800		40.996.800								
-	Hội Đa cấp	30.272.000	-	30.272.000											30.272.000		30.272.000				</				

